TÒA ÁN NHÂN DÂN **H.NÔNG CỐNG – T.THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 05-7-2019
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Kỳ Anh.

Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Đức Cường.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đồng Thị S, Sinh năm 1961.

Trú tại: Thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt bà S, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2019, bản tự khai ngày 20/02/2019 và các văn bản khác, nguyên đơn là bà Đồng Thị S trình bày: Năm 2012, ông Lê Thanh H có vay của Ngân hàng NN&PTNT huyện Nông Cống số tiền 20.000.000đ hạn trả nợ là 24 tháng, sau khi vay, ông H chỉ trả được tiền lãi, còn tiền gốc thì ông H không trả, khi đến hạn trả nợ gốc, ông H đề nghị Ngân hàng cho gia hạn trả nợ nhưng Ngân hàng không đồng ý, việc ông H đến hạn không trả nợ làm ảnh hưởng đến tổ vay vốn do bà S làm tổ trưởng, vì vậy các thành viên trong tổ đã họp và thống nhất ứng một số tiền đưa cho bà S trả cho Ngân hàng, sau đó Ngân hàng sẽ cho bà S vay số tiền 20.000.000đ để trả lại cho các thành viên trong tổ.

Khi được Ngân hàng cho vay lại tiền, bà S đã trả số tiền trên cho các thành viên trong tổ vay vốn. Ngày 24/12/2014 ông Lê Thanh H đã viết một giấy vay nợ với bà S, nội dung ông H vay của bà S số tiền 20.000.000đ và cam kết sẽ trả lãi đầy đủ và theo lãi xuất vay của Ngân hàng.

Sau khi ông H viết giấy vay nợ nhưng ông H không trả lãi và gốc, vì vậy bà S đã nhiều lần đến nhà đòi tiền ông H nhưng ông H vẫn không trả được bất kỳ đồng tiền gốc và lãi nào cho bà S.

Đến nay, hạn vay của bà S với Ngân hàng đã hết mà ông H không trả nợ cho bà S, vì vậy bà S làm đơn khởi kiện ông H tại Tòa án, đề nghị Tòa án buộc ông H phải trả số tiền gốc là 20.000.000đ và số tiền lãi theo lãi xuất ngân hàng mà bà đã trả từ 09/11/2012 cho đến ngày khởi kiện là 18.700.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đồng Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H phải trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000đ. Đối với số tiền lãi, sau khi bà tính toán lại theo bảng kê tiền lãi của Ngân hàng cung cấp, bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H phải trả số tiền lãi cho bà từ 09/11/2012 đến ngày 17/4/2019(thời điểm bà S thanh toán lãi cho ngân hàng) là 11.248.000đ và 829.000đ là số tiền lãi trong thời gian ông H vay của Ngân hàng trước ngày 09/11/2012. Tổng cả gốc và lãi là 32.077.000đ. Đối với số tiền lãi từ ngày 17/4/2019 đến ngày xét xử bà không phải trả cho Ngân hàng nên bà không yêu cầu ông H trả lãi thời gian đó. Ngoài số tiền lãi và gốc đã trả cho ngân hàng, bà S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả lãi theo lãi xuất nhà nước quy định đối với số tiền gốc bà đã trả thay cho ông H là 20.000.000đ kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi ông H trả xong khoản tiền gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Lê Thanh H đến Tòa án để làm việc nhiều lần nhưng ông H vẫn không chấp hành theo nội dung giấy triệu tập.

Ngày 25/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương nơi ông H cư trú để đến nhà ông H làm việc nhưng ông H vẫn không đồng ý làm việc, vì vậy không có lời khai của ông Lê Thanh H và không tổ chức được phiên hòa giải giữa các bên đương sự.

Ngày 21/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã mở phiên tòa xét xử nhưng ông Lê Thanh H vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/7/2019 ông Lê Thanh H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, vì vậy ông Lê Thanh H không có quan điểm về việc giải quyết vay nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng

của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án.

**** Về nội dung:***

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị S để buộc ông Lê Thanh H phải trả cho bà S số tiền gốc là 20.000.000đ và số tiền lãi tính từ ngày 09/11/2012 đến ngày xét xử là 11.248.000đ và số tiền bà Đồng Thị S đã trả thay cho khoản vay của ông Lê Thanh H là 829.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 32.077.000đ. Ngoài ra ông Lê Thanh H còn phải chịu số tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 476 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (05/7/2019) cho đến khi thi hành xong toàn bộ số tiền gốc là 20.000.000đ

- *Về án phí:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Đồng Thị S, buộc ông Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Giao dịch dân sự giữa bà Đồng Thị S với ông Lê Thanh H là quan hệ vay tài sản theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự và là tranh chấp về Hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 2 điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Lê Thanh H là người có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vì vậy tranh chấp giữa bà Đồng Thị S với ông Lê Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Thanh H đến Tòa án để tiến hành việc hòa giải nhưng ông H không có mặt và bà Đồng Thị S có đơn đề nghị không tiến hành phiên hòa giải giữa các bên đương sự, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải, đây là trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định tại điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 21/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã mở phiên tòa sơ thẩm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 06/6/2019 nhưng ông Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ngày 05/7/2019, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên ông Lê Thanh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Do đã tống đạt hợp lệ hai lần cho bị đơn Lê Thanh H nhưng ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy cần áp dụng điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Lê Thanh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngày 09/11/2012, bà Đồng Thị S đã tự đứng ra trả thay cho ông Lê Thanh H số tiền vay của Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Nông Cống số tiền gốc là 20.000.000đ và số tiền lãi là 829.000đ, sau đó bà S được Ngân hàng cho vay lại số tiền 20.000.000đ và bà S tiếp tục trả lãi đều đặn cho Ngân hàng. Đến ngày 24/12/2014, ông Lê Thanh H có viết một giấy với nội dung thừa nhận nợ của bà Đồng Thị S với số tiền là 20.000.000đ và cam kết sẽ trả tiền lãi theo số lãi bà S đã vay tại Ngân hàng, đến khi nào hết hạn vay thì ông H sẽ trả toàn bộ số tiền gốc cho bà S.

Đến từng thời điểm trả lãi, bà S đã đến yêu cầu ông H trả lãi nhiều lần nhưng ông H vẫn không chịu trả tiền lãi vì vậy bà S đã phải bỏ tiền của cá nhân ra trả số tiền lãi cho Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Nông Cống. Đến nay, thời hạn vay đã hết, bà S đã phải bỏ tiền cá nhân ra để trả số tiền đã vay của Ngân hàng là 20.000.000đ và số tiền lãi trong suốt quá trình vay là 11.248.000đ.

Vì vậy bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H phải trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000đ, số tiền lãi bà đã trả thay cho khoản vay của ông H vào ngày 09/11/2012 là 829.000đ và số tiền lãi từ ngày 09/11/2012 đến ngày khởi kiện là 11.248.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 32.077.000đ.

Ngoài số tiền lãi và gốc đã trả cho ngân hàng, bà S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả lãi theo lãi xuất nhà nước quy định đối với số tiền gốc bà đã trả thay cho ông H là 20.000.000đ kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi ông H trả xong khoản tiền gốc.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Đồng Thị S thấy rằng: Ông Lê Thanh H có viết giấy thừa nhận việc bà S vay cho ông 20.000.000đ từ Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Nông Cống và cam kết trả lãi theo lãi vay của ngân hàng nhưng không thỏa thuận cụ thể về lãi xuất cụ thể và thỏa thuận về thời điểm trả nợ. Vì vậy xác định đây là quan hệ vay tài sản không kỳ hạn và có lãi, vì vậy bà S có quyền đòi lại số tiền trên bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho ông H một thời gian hợp lý. Tuy nhiên, khi bà S đã hết thời hạn vay của Ngân hàng và yêu cầu ông H trả tiền gốc và lãi nhưng ông H không trả nợ, do đó việc bà S khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với khoản 2 điều 477 của Bộ luật Dân sự 2005. Do đó Cần buộc ông Lê Thanh H phải trả lại số tiền gốc còn nợ của bà S là 20.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền lãi bà S yêu cầu thấy rằng: Khi viết giấy nhận nợ ngày 24/12/2014, ông Lê Thanh H đã cam kết trả lãi theo lãi xuất của Ngân hàng,

thực tế bà S đã phải vay số tiền 20.000.000đ từ Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Nông Cống để trả thay cho ông H và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Đồng Thị S đã xuất trình được bảng kê tất toán lãi của Ngân hàng NN&PTN chi nhánh Nông Cống đối với quãng thời gian từ 09/11/2012 đến ngày 17/4/2019 là 11.248.000đ cùng với số tiền 829.000đ là số tiền lãi bà trả thay cho ông H đối với hợp đồng tín dụng mà ông H vay của ngân hàng và lãi xuất từ ngày xét xử đến khi ông Lê Thanh H trả hết số tiền gốc với lãi xuất 0,75%/tháng.

Xét yêu cầu về lãi xuất của bà Đồng Thị S thấy rằng: Đây là quan hệ vay có lãi và không thời hạn, tuy nhiên việc thỏa thuận lãi xuất của hai bên không rõ ràng nên cần căn cứ vào khoản 2 điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 để xác định lãi xuất của hai bên theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm.

Trong khi đó, nếu tính khoản lãi xuất theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố thì số tiền lãi cao hơn số lãi bà Đồng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H phải thanh toán, do đó việc tính toán theo lãi xuất cơ bản sẽ thuộc trường hợp "vượt quá yêu cầu khởi kiện". Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Đồng Thị S về khoản lãi xuất, buộc ông Lê Thanh H phải thanh toán khoản lãi xuất mà bà đã phải trả thay cho ông H kể từ ngày 09/11/2012 cho đến ngày xét xử (05/7/2019) với số tiền 11.248.000đ và số tiền lãi mà bà đã trả thay cho khoản vay của ông H ngày 09/11/2012 là 829.000đ. Tổng cộng cả hai khoản là 12.077.000đ

Trên cơ sở khoản tiền gốc được chấp nhận là 20.000.000đ và khoản tiền lãi được chấp nhận là 12.077.000đ(11.248.000đ + 829.000đ). Đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đồng Thị S, buộc ông Lê Thanh H phải trả cho bà S số tiền gốc và lãi 32.077.000đ là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với lãi chậm trả, cần áp dụng khoản 2 điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 để buộc ông Lê Thanh H phải chịu khoản lãi chậm trả đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi xuất 9%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đồng Thị S được chấp nhận, vì vậy cần áp dụng điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội để trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Đồng Thị S đã nộp và buộc ông Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị S, buộc ông Lê Thanh H, địa chỉ: Thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà Đồng Thị S địa chỉ: Thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, Thanh Hóa số tiền gốc là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và số tiền lãi tính

từ ngày 09/11/2012 đến ngày 05/7/2019 là: 12.077.000đ (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*

Tổng cả gốc và lãi buộc ông Lê Thanh H, địa chỉ: Thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, Thanh Hóa phải trả cho bà Đồng Thị S địa chỉ: Thôn Cộng Hòa, xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, Thanh Hóa số tiền là 32.077.000đ (*Ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Lê Thanh H phải chịu 1.603.800đ(*Một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tuyên trả lại bà Đồng Thị S số tiền tạm ứng án phí là 971.000đ (*Chín trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001865 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, Thanh Hóa.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THA DS Nông Cống;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh